BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2016*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn về nội dung chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng: Các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp" là quy chế do doanh nghiệp xây dựng bao gồm các nội dung chủ yếu như: xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do doanh nghiệp thực hiện. Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được hướng dẫn tại Mẫu số 01 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. "Các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước thực hiện hợp tác nghiên cứu" là các tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có chức năng, nhiệm vụ, năng lực nghiên cứu, sản xuất phù hợp chuyên ngành cần hợp tác nghiên cứu.

3. "Cá nhân trong nước và ngoài nước thực hiện hợp tác nghiên cứu" là các cá nhân có trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học, hoặc có trình độ và năng lực chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ, hoặc có tiềm lực tài chính.

Điều 3. Hình thức tổ chức của Quỹ

1. Quỹ có thể tổ chức dưới một trong hai hình thức như sau:

a) Thành lập tổ chức không có tư cách pháp nhân và trực thuộc doanh nghiệp.

b) Không thành lập tổ chức Quỹ và do cán bộ của doanh nghiệp kiêm nhiệm thực hiện các hoạt động.

2. Hình thức tổ chức của Quỹ do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định.

3. Khi doanh nghiệp thành lập Quỹ theo một trong hai hình thức quy định tại Khoản 1 Điều này, doanh nghiệp gửi Quyết định thành lập Quỹ cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Quỹ.

Doanh nghiệp gửi Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính cùng thời điểm nộp báo cáo trích, sử dụng Quỹ trong kỳ trích lập đầu tiên.

Điều 4. Nguồn hình thành Quỹ

Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, cụ thể:

a) Từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ để lập Quỹ đối với doanh nghiệp nhà nước. Tỷ lệ trích cụ thể căn cứ vào khả năng và nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước;

b) Tự quyết định mức trích cụ thể nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ đối với các doanh nghiệp không thuộc đối tượng tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

c) Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ xuống Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên; điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con, doanh nghiệp thành viên về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ.

Việc điều chuyển và tỷ lệ điều chuyển nguồn giữa các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ với các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con, doanh nghiệp thành viên và ngược lại do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) quyết định trên cơ sở tỷ lệ trích Quỹ, nhu cầu đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại các công ty con, doanh nghiệp thành viên và nhu cầu, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của toàn hệ thống.

Việc điều chuyển Quỹ quy định tại Khoản này chỉ áp dụng đối với các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên mà công ty mẹ sở hữu 100% vốn.

Việc điều chuyển Quỹ quy định tại Khoản này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài điều chuyển cho công ty mẹ ở nước ngoài;

- Công ty mẹ ở Việt Nam điều chuyển cho công ty con ở nước ngoài.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân quản lý Quỹ

1. Sử dụng Quỹ do doanh nghiệp thành lập, công ty con, công ty thành viên đóng góp theo đúng quy định và hiệu quả.

2. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (bao gồm cả hoạt động khoa học và công nghệ của công ty thành viên, công ty con trong trường hợp là Quỹ của tổng công ty, công ty mẹ) và chi hoạt động quản lý Quỹ.

3. Quản lý và sử dụng Quỹ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (bao gồm cả hoạt động khoa học và công nghệ của công ty thành viên, công ty con trong trường hợp là Quỹ của tổng công ty, công ty mẹ) theo kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

4. Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng kinh phí của Quỹ.

5. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định việc điều chuyển nguồn giữa các Quỹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

6. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp quyết

định việc ủy thác hoặc nhận ủy thác của các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp khác để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

7. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp các nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

8. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra việc thành lập, tổ chức và quản lý, sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện báo cáo về trích, điều chuyển và sử dụng Quỹ, gửi cơ quan thuế và Sở Khoa học và Công nghệ nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

Điều 6. Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

1. Căn cứ vào tính chất và quy mô của nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc (người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp) quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đánh giá xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp là người có kinh nghiệm về quản lý doanh nghiệp, tài chính và trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ mà nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất giải quyết.

Thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đánh giá xét chọn hoặc nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đảm bảo có ít nhất 50% số thành viên không công tác tại cơ quan chủ trì nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 02 thành viên là các chuyên gia có uy tín, trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ được giao tư vấn, thành viên còn lại là các nhà quản lý của doanh nghiệp.

Trong trường hợp thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp không đủ năng lực, doanh nghiệp có thể thuê chuyên gia để tham gia đánh giá.

Số lượng thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ được quyết định căn cứ theo quy mô, mức độ phức tạp của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng tối thiểu là 05 thành viên.

3. Mỗi Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp có thể tư vấn cho một hoặc một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cùng lĩnh vực).

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp công khai minh bạch, độc lập, khách quan. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản. Các thành viên Hội đồng phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

5. Quy trình đánh giá xét chọn, thẩm định nội dung, kinh phí và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

6. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp tổ chức đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Chương II
NỘI DUNG CHI CỦA QUỸ

Điều 7. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nguồn vốn của Quỹ dùng để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

Quỹ thực hiện bố trí kinh phí đối ứng theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được ký kết và thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt.

2. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện theo Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người, trước khi ứng dụng vào sản xuất và đời sống được thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được chi cho các nội dung đã được Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp thẩm định và theo quy định tại Quy chế chi tiêu, sử dụng Quỹ;

c) Định mức chi cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp xây dựng, quyết định ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

d) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Quy chế khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và được quyền áp dụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT/BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.